

**PHỤ LỤC**

**Gói thầu mua sắm :Cung cấp hóa chất cho đề tài nghiên cứu khoa học: Phân tích mối liên quan giữa các chỉ số cận lâm sàng với mật độ nhiễm ký sinh trùng Plasmodium malariae ở bệnh nhân sốt rét tại tỉnh Khánh Hòa**

(Kèm theo Thông báo số 2203./ĐHYD-TrĐD ngày 18/1/2026)

STT	Tên hàng	Code	HSX	QC/ĐVT	SL
1	Hóa chất Ethanol absolute for analysis-1009832511-2.5L/Chai	1009832511	Merck	chai/2500ml	5
2	Hoá chất Acid Trichloroacetic - 1008071000 -1KG/chai	1008071000	Merck	chai/1000g	2
3	Hóa chất Acid Sulfuric 95-97% (M) 100731.1000	100731.1	Merck	chai/1000ml	2
4	Hóa chất HypoThermosol® FRS Preservation Solution-H4416-100ML-100ml/Chai	H4416-100ML	Sigma	chai/100ml	10
5	Hóa chất nhuộm - Giemsa's azur eosin methylene blue solution for microscopy (Merck) 1.09204.0500 (500ml/chai)	1.09204.0500	Merck	chai/500ml	2
6	i-Taq™ DNA Polymerase, 25021, 250 units, Intron	25021	Intron	bộ/250 u	1
7	Hóa chất SiZer -100 DNA Marker Solution, 24073, 500ul/bộ, Intron	24073	Intron	bộ/500 u	1
8	Hóa chất DNA-spin Plasmid DNA Purification Kit, 17098, 200pu/bộ, Intron	17098	Intron	bộ/200 u	1
9	Agarose, AG01, Chai 100g, Nippon	AG01	Nippon	chai/100g	1
10	Agar Powder (Chai/500g)	AGAR 500 VWR	VWR	chai/500g	1
11	SupreDye™ v3.1 Cycle Sequencing Kit - 100 reactions	63002	ADS - Mỹ	100 reactions	1
12	ADST™ Sequencing Reaction Cleaning Beads - 8mL	80008	ADS - Mỹ	8mL	1
13	TruPure™ Formamide - 25mL	90025	ADS - Mỹ	25mL	1
14	SupreDye™ XT Purification Kit - 2 mL	160001	ADS - Mỹ	2 mL	1
15	ADST™ PCR Cleaning Beads - 1mL	170001	ADS - Mỹ	1mL	1
16	ADST™ 500-Orange Fragment Size Standard	250400	ADS - Mỹ	ADST™ 500-Orange Fragment Size Standard	1
17	ADST™ Refill Running Buffer for 3500 Series - 140mL, 1 RFID tag for anode buffer + 1 RFID tag for cathode buffer	305001	ADS - Mỹ	140mL, 1 RFID tag for anode buffer + 1 RFID tag for cathode buffer	1

18	ADSTM Conditioning Reagent for 3500 Series	300301	ADS - Mỹ	ADSTM Conditioning Reagent for 3500 Series	1
19	ADSTM Exo-Alp PCR Cleanup Mix - 100 reactions	320100	ADS - Mỹ	100 reactions	1
20	PwrPOPTM-4 for AB 3500 Genetic Analyzers with RFID	345384	ADS - Mỹ	PwrPOPTM-4 for AB 3500 Genetic Analyzers with RFID	1
21	TT định lượng Creatinine		Ebar	hộp/200ml	1
22	TT định lượng Glucose		Ebar	hộp/500ml	1
23	TT định lượng GOT		Ebar	hộp/250ml	1
24	TT định lượng urea		Ebar	hộp/250ml	1
25	TT định lượng GPT		Ebar	hộp/250ml	1
26	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc 23G x 1' Vina (h/100c-th/1200c)	10ML/CC 23G	VINAHANK OOK	hộp/100 cây	3
27	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc 23G x 1' Vina (h/100c-th/1200c)	5ML/CC 23G	VINAHANK OOK	hộp/100 cây	3
28	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml/cc 23G x 1' Vina (h/100c-th/1200c)	1ML/CC 23G	VINAHANK OOK	hộp/100 cây	3
29	Băng keo cá nhân Uro		Uro	hộp/102 cái	20
30	Bình đựng vật sắc nhọn 1.5 lít		Đức An	bình	20
31	Ống nghiệm EDTA -xanh dương		HTM	lốc/100 cái	10
32	Ống nghiệm heparin -đen		HTM	lốc/100 cái	10
33	Găng tay y tế các cỡ	Vglove	Khải Hoàn	hộp/50 đôi	30
34	Đầu tip xanh 100-1000ul (1000cái/gói)	Biologix-Mỹ	Biologix	gói/1000 cái	10
35	Đầu tip vàng 200-200ul (1000cái/gói)	Biologix-Mỹ	Biologix	gói/1000 cái	10
36	Đầu tip trắng 10ul (1000cái/gói)	Biologix-Mỹ	Biologix	gói/1000 cái	10
37	Hộp đựng đầu tuýp xanh		Biologix	hộp/96 cái	10
38	Hộp đựng đầu tuýp vàng		Biologix	hộp/96 cái	10
39	Hộp đựng đầu tuýp trắng		Biologix	hộp/96 cái	10
40	Ống ly tâm 1.5 ml		Biologix	gói/500 cái	10
41	Ống ly tâm 2.0 ml		Biologix	gói/500 cái	10
42	Ống ly tâm 15ml vô trùng		Biologix	gói/50 cái	10
43	Ống ly tâm 15ml vô trùng		Biologix	gói/25 cái	10
44	Tuýp Pcr 0.2 ml		Biologix	gói/1000 cái	10
45	Diluent		Coming	thùng	1
46	Lyse 4DL		Coming	thùng	1
47	Lyse SLS		Coming	thùng	1
48	Lyse 4DS		Coming	bịch	1